

Số: 229/QĐ-HM

An Sơn, ngày 01 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu – chi học phí, bán trú và các khoản thỏa thuận với phụ huynh  
Năm học 2024-2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẪU GIÁO HOẠ MI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ cuộc họp cha mẹ trẻ các lớp ngày 15/9/2024 của trường Mẫu giáo Hoạ Mi thỏa thuận về thu- chi học phí, bán trú và các khoản thỏa thuận với phụ huynh năm học 2024- 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 187/KH-HM ngày 25/9/2024 của trường Mẫu giáo Hoạ Mi về việc thực hiện thu- chi học phí, bán trú và các khoản thỏa thuận với phụ huynh năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của bộ phận Tài vụ trường Mẫu giáo Hoạ Mi,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu - chi học phí, bán trú và các khoản thỏa thuận với phụ huynh của Mẫu giáo Hoạ Mi. (Chi tiết có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ trưởng tổ văn phòng, tổ trưởng tổ chuyên môn và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Phương Thảo



**CÔNG KHAI DỰ TOÁN**  
**CÁC KHOẢN THU - CHI THỎA THUẬN, THU THEO QUY ĐỊNH NĂM HỌC 2024-2025**  
(Kèm theo Quyết định số 229/KH-HM ngày 01 tháng 10 năm 2024)

Căn cứ Công văn số 2186/SGDDT-KHTC của Sở GD-ĐT ngày 29/08/2024 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2024-2025 ;

Căn cứ Công văn số 838/PGDDT của Phòng GD-ĐT ngày 30/08/2024 về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2024/NQ-HDND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam ngày 11/07/2024 về quy định mức thu học phí từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường Mẫu giáo Hòa Mi, và phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong trường. Nhà trường dự kiến thu, chi các khoản như sau:

Trong năm học 2024-2025 trường mở 06 lớp (trong đó: 02 lớp MG Bé 28 trẻ; 02 lớp MG Nhỡ 62 trẻ; 02 lớp MG Lớn 60 trẻ) với tổng số cháu là 150 cháu;

**A. Dự kiến các khoản thu thỏa thuận:**

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Mua sắm đồ dùng bán trú đầu năm:</b>		<b>16.440.000</b>
	Khối MG Bé	150.000 đ/năm học	4.200.000
	Khối MG Nhỡ	120.000 đ/năm học	7.440.000
	Khối MG Lớn	80.000 đ/năm học	4.800.000
<b>II</b>	<b>Tiền ăn, chăm sóc bán trú</b>		
1	Tiền ăn mai	8.000 đ/bữa	Tùy theo nhu cầu phụ huynh
2	Tiền ăn trưa + xế	22.000 đ/ngày	
3	Tiền nước uống Thạch Bích	15.000 đ/trẻ/tháng	
4	Phục vụ chăm sóc mai		Tùy theo nhu cầu phụ huynh
	+ Khối Bé	90.000 đ/tháng	
	+ Khối Nhỡ - Lớn	80.000 đ/tháng	
4	Chăm sóc ngày thứ 7	150.000 đ/tháng	Tùy theo nhu cầu phụ huynh
5	Phục vụ bán trú	350.000 đ/tháng	

**B. Dự kiến chi các khoản thỏa thuận:**

Trong năm học 2024-2025, theo sự chỉ đạo của Phòng GD-ĐT TP Tam Kỳ, nhà trường sẽ thực hiện nấu bữa ăn học đường, nên thực hiện dự kiến các khoản chi như sau.

STT	Nội dung	Số tiền
<b>I</b>	<b>Mua sắm đồ dùng bán trú đầu năm:</b>	<b>16.440.000 đ</b>
1.1	Chi mua nồi cơm điện, rổ, nồi, chảo, khay, ống nước, thớt, đồ khay inox đựng thức ăn, ống dây nước, rổ, dao thớt... Phục vụ bếp ăn bán trú	7.060.000 đ/năm học
1.2	Chi mua xe đẩy phục vụ giao đồ ăn đến lớp (đảm bảo vệ sinh ATTP)	5.800.000 đ/năm học

1.3	Chi mua bổ sung đồ dùng các lớp (theo đề xuất) (như thảm chà chân, chổi, tạp dề, thùng rác có nắp đậy, cây lau nhà, kệ đồ xà phòng, thùng, bình nước giữ nóng,...)	3.580.000 đ/năm học
<b>II Chi cho công tác bán trú</b>		
1	Chi tiền mua hết thực phẩm nấu xuất mai, trưa xế theo chấm ăn trong ngày (nếu trẻ báo nghỉ, sẽ trừ giảm thu xuất ăn vào biên lai thu tiền tháng sau)	113.150.000 đ
2	Chi tiền nước uống Thạch Bích cho trẻ (Cuối năm trẻ dùng không hết sẽ trả lại tiền thừa cho phụ huynh)	2.250.000 đ
	Mua nước uống cho trẻ	1.620.000 đ
	Hỗ trợ nhân viên bảo vệ giao nước đến lớp (100.000đ/1BV/tháng)	200.000 đ
3	<b>Tiền phục vụ mai Dự tính 125 hs ăn mai (Khối bé 24; Nhỡ lớn 101)</b>	<b>10.240.000 đ</b>
<i>Tùy theo số lượng trẻ đăng ký ăn mai nhà trường dự kiến chi bồi dưỡng CBGVNV như sau:</i>		
3.1	GV trực tiếp quản lý trẻ chi tùy theo số lượng trẻ trong lớp (65%)	6.656.000 đ
3.2	Các bộ phận gián tiếp (35%)	3.584.000 đ
-	Bộ phận gián tiếp như bảo vệ 2,0%	204.800 đ/tháng
-	Bộ phận cấp dưỡng 19,00%	1.945.600 đ/tháng
-	Bộ phận quản lý HT 4,25%	435.200 đ/tháng
-	Bộ phận quản PHT 3,75%	384.000 đ/tháng
-	Bộ phận tài vụ KT 3,25%	332.800 đ/tháng
-	Bộ phận YT - TQ 2,75%	281.600 đ/tháng
4	<b>Tiền phục vụ bán trú (350.000đ/tháng x 150 hs)</b> Ưu tiên chi trả lương NVCD, trích đóng BHXH cho NVCD theo quy định; Chi hỗ trợ NV BV,PV; Chi hỗ trợ lễ tết khen thưởng NVCD; Chi phụ phí: gas, điện, thu gom rác thải, nước sinh hoạt, đồ dùng vệ sinh các lớp như nước rửa chén, lau sàn, vim, giấy vệ sinh, bao tay, xít muối, xét nghiệm nước, hỗ trợ NCVD khi có trẻ tăng, sửa chữa điện nước nhà vệ sinh, mua văn phòng phẩm in biên lai... Kinh phí còn lại chi cho CBGVNV thực hiện chăm sóc bán trú	<b>52.500.000</b>
4.1	Lương cấp dưỡng ( 03 cô cấp dưỡng)	13.230.000 đ/tháng
4.2	Chi đóng BHXH cho cấp dưỡng ( theo quy định 23,5%)	3.109.050 đ/tháng
4.3	Dự phòng hỗ trợ lễ tết, khen thưởng cho NVCD (Nếu có)	300.000 đ/tháng
4.4	Chi mua gas (04 bình 45kg/tháng) (Theo hoá đơn phát sinh dùng trong tháng)	7.040.000 đ/tháng
4.5	Chi tiền điện (Theo hoá đơn phát sinh)	2.900.000 đ/tháng
4.6	Chi tiền nước sinh hoạt (theo hoá đơn phát sinh)	4.500.000 đ/tháng
4.7	Chi tiền rác thải	1.100.000 đ/tháng
4.8	Chi mua đồ dùng vệ sinh cho các lớp, bếp	3.500.000 đ/tháng
4.9	Chi tiền mua giấy in, văn phòng phẩm, in biên lai	200.000 đ/tháng
4.10	Chi hỗ trợ sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất, điện nước, vệ sinh ...	800.000 đ
4.11	Chi hỗ trợ cấp dưỡng học sinh tăng khi chưa bổ sung thêm CD (03 cô cấp dưỡng) Mức 70.000đ/trẻ tăng thêm	
4.12	(Tùy theo số lượng học sinh tăng, giảm để hỗ trợ cấp dưỡng vì theo Điều lệ trường MN thì 50 trẻ/1 cấp dưỡng)	
4.13	Chi phục vụ công tác bán trú	<b>15.820.950 đ</b>
	Trích % tỉ lệ cho GV trực tiếp đứng lớp chi tùy theo số lượng trẻ	10.477.527 đ

	Lớp Bé (75%); Nhỡ (70%); Lớn (70%)	
	Còn lại chi cho các bộ phận gián tiếp	5.343.423 đ/tháng
-	Bộ phận quản lý HT 24,00%	1.282.421 đ/tháng
-	Bộ phận quản PHT 22,00%	1.175.553 đ/tháng
-	Bộ phận tài vụ KT 20,00%	1.068.685 đ/tháng
-	Bộ phận YT - TQ 18,00%	961.816 đ/tháng
-	Bộ phận BV 12,00%	641.211 đ/tháng
-	Bộ phận PV 4,00%	213.737 đ/tháng
<b>5</b>	<b>Tiền chăm sóc ngày Thứ Bảy 100 hs học Thứ Bảy</b>	<b>15.000.000</b>
	<b>Tùy theo số lượng trẻ đăng ký học vào ngày Thứ Bảy nhà trường dự kiến chi CBGVNV như sau:</b>	
	<b>100 Hs x 150.000đ/hs/tháng = 15.000.000</b>	
5.1	GV trực tiếp quản lý trẻ chi tùy theo số lượng trẻ trong lớp (70%)	10.500.000 đ/tháng
5.2	Các bộ phận gián tiếp (30%)	4.500.000 đ/tháng
5.3	Bộ phận gián tiếp như bảo vệ 3,00%	450.000 đ/tháng
5.4	Bộ phận gián tiếp cấp dưỡng 10,00%	1.500.000 đ/tháng
5.5	Bộ phận gián tiếp phục vụ 2,40%	360.000 đ/tháng
5.6	Bộ phận quản lý HT 4,10%	615.000 đ/tháng
5.7	Bộ phận quản PHT 3,90%	585.000 đ/tháng
5.8	Bộ phận tài vụ KT 3,50%	525.000 đ/tháng
5.9	Bộ phận YT - TQ 3,10%	465.000 đ/tháng

\* Riêng tiền ăn nhà trường chi theo thực tế phát sinh trong tháng. Cuối tháng kế toán tính và trả tiền ăn thừa cho phụ huynh vào tháng kế tiếp trên biên lai thu tiền ăn.

#### C. Học phí: ( Khoản thu bắt buộc theo quy định)

Hiện nay, năm học 2024-2025 trường thực hiện miễn thu học phí trẻ 5 tuổi theo Căn cứ khoản 6 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 . Và mức thu tiền học phí với trẻ 3-4 tuổi/tháng mức 105.000đ/trẻ. (Tối đa 9 tháng/năm học)

#### D. Tổng số tiền dự kiến thu 1 tháng của trẻ:

(Kèm theo bản dự kiến chi tiết tiền ăn, học phí, ngoại khoá đối với tháng có Thứ Bảy là 26 ngày, không Thứ Bảy 23 ngày)

Nhà trường tiếp tục triển khai phương thức thu tiền ăn bán trú, học phí không dùng tiền mặt trong năm học 2024-2025 và thực hiện bữa ăn học đường theo sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT.

Trên đây là dự toán các khoản thu cần thiết để phục vụ cho các cháu trong năm học. Trong quá trình thực hiện trường sẽ cân đối thu chi, bổ sung kế hoạch để đáp ứng yêu cầu dạy và học cho trẻ.



UBND THÀNH PHỐ TAM KỶ  
TRƯỜNG MẪU GIÁO  
HÒA MI

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI TIỀN HỌC NGOẠI KHÓA AEROBIC  
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 229/KH-HM ngày 01 tháng 10 năm 2024)

TT	NỘI DUNG	TỈ LỆ	SỐ TIỀN/ 01 THÁNG	GHI CHÚ
	<b>HỌC AEROBIC (Trẻ 3-4-5 tuổi)</b>		<b>70.000</b>	
	<b>Phần thu:</b> - Theo thống nhất thỏa thuận tại cuộc họp phụ huynh ngày 14/9/2024. <b>I</b> - Danh sách đăng ký tham gia học Ngoại khóa Aerobic. - Theo hợp đồng ký kết giữa Nhà trường và Công ty Tây Thi			
1	Dự kiến số lượng: 140 trẻ	140	<b>9.800.000</b>	
2	Mức thu: 70.000đồng/tháng/trẻ		9.800.000	
	<b>Tổng cộng thu</b>		<b>9.800.000</b>	
<b>II</b>	<b>Phần chi</b>		<b>9.800.000</b>	
1	Chi cho Trung tâm ( để chi trả chế độ giáo viên giảng dạy) 80%	80%	<b>7.840.000</b>	
2	Chi công tác quản lý, giáo viên hỗ trợ; bảo quản khấu hao cơ sở vật chất 20%, Trong đó:	20%	<b>1.960.000</b>	
2.1	Chi hỗ trợ cho GV trực tiếp trợ giảng (6 lớp): 55%	55%	1.078.000	Tính theo SL trẻ
2.2	Chi cho khấu hao sửa cơ sở vật chất, điện nước 15%	15%	294.000	
2.3	Chi hỗ trợ cho công tác quản lý 30%	30%	588.000	
	<i>Chi cho HT</i>	25%	147.000	
	<i>Chi cho PHT</i>	24%	141.120	
	<i>Chi cho KT</i>	23%	135.240	
	<i>Chi cho YT</i>	16%	94.080	
	<i>Chi hỗ trợ quét dọn phòng âm nhạc</i>	12%	70.560	

Kinh phí trên có thể thay đổi, để phù hợp với kế hoạch phát sinh trong năm học. BGH sẽ thống nhất với Ban đại diện cha mẹ trẻ trường bàn bạc xem xét.

UBND THÀNH PHỐ TAM KỲ  
TRƯỜNG MGH HÒA MI

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU- CHI TIỀN HỌC NGOẠI KHÓA TIẾNG ANH  
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 229/KH-HM ngày 01 tháng 10 năm 2024)

TT	NỘI DUNG	TỈ LỆ	Số tiền/tháng/trẻ	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>TIẾNG ANH (Trẻ 3-4-5 tuổi)</b>		<b>130.000</b>	
	<b>Phần thu:</b> - Theo thống nhất thỏa thuận tại cuộc họp phụ huynh ngày 14/9/2024. <b>I</b> - Danh sách đăng ký tham gia học Ngoại khóa Tiếng Anh. - Theo hợp đồng ký kết giữa Nhà trường và trung tâm Amy			
1	Dự kiến số lượng: 125 trẻ			
2	Mức thu: 130.000đồng/tháng/trẻ	125	16.250.000	
	<b>Tổng cộng thu</b>		<b>16.250.000</b>	
<b>II</b>	<b>Phần chi</b>		<b>16.250.000</b>	
1	Chi cho Trung tâm anh ngữ AMY (chi trả chế độ giáo viên giảng dạy)	<b>84%</b>	<b>13.650.000</b>	
2	Chi công tác quản lý, giáo viên trực tiếp trợ giảng, khấu hao cơ sở vật chất, Trong đó:	<b>16%</b>	<b>2.600.000</b>	
2.1	Chi hỗ trợ cho GV trực tiếp trợ giảng: 55%	55%	1.430.000	Tính theo SL trẻ
2.2	Chi cho khấu hao cơ sở vật chất: 15%	15%	390.000	
2.2	Chi hỗ trợ cho công tác quản lý: 30%	30%	780.000	
	Chi cho HT	30%	234.000	
	Chi cho PHT	28%	218.400	
	Chi cho KT	25%	195.000	
	Chi cho YT	17%	132.600	

Kinh phí trên có thể thay đổi, để phù hợp với kế hoạch phát sinh trong năm học. BGH sẽ thống nhất với Ban đại diện cha mẹ trẻ trường bàn bạc xem xét.